TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **306/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2024
V/v tranh chấp "Xin Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

***- B phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Bé.**

2. Bà **Nguyễn Thị Cẩm Giang.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Đỗ Thanh Phong** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thành Khánh Duy- KSV.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 227/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 131/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Mộng A, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn**: Anh Phạm Công B, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Võ Thị Mộng A trình bày:

Chị và anh B cưới nhau vào năm 2006 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện X vào năm 2007, theo số 16/2007 ngày 13/3/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh B không phụ giúp gia đình. Mặc dù sống chung một nhà nhưng sống ly thân, không sinh hoạt vợ chồng từ năm 2020 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên xin ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Võ C, sinh ngày 04/7/2007 và Phạm Võ D, sinh ngày 03/11/2015. Chị A yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn là anh Phạm Công B từ khi Toà án thụ lý đến nay anh B vắng mặt không có lý do và không gởi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị A.

* Tại phiên tòa, chị Võ Thị Mộng A có đơn xin vắng mặt vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn với anh Phạm Công B và giải quyết về con chung như đơn khởi kiện.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân chị A, anh B mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ năm 2020 nhưng không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị A được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Võ C, sinh ngày 04/7/2007 và Phạm Võ D, sinh ngày 03/11/2015. Chị A yêu cầu được nuôi con chung C, D, hai con chung có nguyện vọng sống cùng chị, do đó để con phát triển tốt nên cần giao hai con cho chị A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

+Về cấp dưỡng: Anh Phạm Công B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Võ Thị Mộng A về việc tranh chấp “ly hôn” với anh Phạm Công B thuộc trường hợp được quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị và anh B cưới nhau vào năm 2006 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Chợ Gạo vào năm 2007, theo số 16/2007 ngày 13/3/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh B không phụ giúp gia đình. Mặc dù sống chung một nhà nhưng sống ly thân, không sinh hoạt vợ chồng từ năm 2020 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên xin ly hôn với anh B.

Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B nhưng anh vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, điều đó chứng tỏ anh B không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A, anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên tên Phạm Võ C, sinh ngày 04/7/2007 và Phạm Võ D, sinh ngày 03/11/2015. Hai con chung có nguyện vọng được sống cùng chị A, do đó để con có cuộc sống ổn định, phát triển tốt nên cần giao hai con chung cho chị A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị A không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Võ Thị Mộng A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Đều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Mộng A.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Mộng A được ly hôn với anh Phạm Công B

2. Về con chung: Giao con chung tên tên Phạm Võ C, sinh ngày 04/7/2007 và Phạm Võ D, sinh ngày 03/11/2015 cho chị Mộng A được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh Phạm Công B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không có yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về án phí: Chị Võ Thị Mộng A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007538 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên chị đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh TG;
-VKSNDHCG-TG
-Chi cục THADSHCG;
- Uỷ ban xã N
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

Nguyễn Thị Ánh Hồng